

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Trần Duy Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/12/2010)
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên
Ông Phan Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 09/12/2010)

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Ông Phạm Xuân Nghiêm	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Phan Minh Hoàng	Phó Giám đốc

**2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

**NGUYỄN HỮU ĐỨC**  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2011



Số: 097/DFK-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 16 kèm theo lập ngày 05/3/2011.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.



**Nguyễn Lương Nhân**  
**Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV  
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam  
Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2011



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>87.098.516.967</b>	<b>69.784.829.845</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	IV.01	<b>6.403.702.923</b>	<b>11.227.123.479</b>
1. Tiền	111		6.403.702.923	8.164.256.812
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.062.866.667
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	IV.02	<b>52.802.226.120</b>	<b>32.794.565.752</b>
1. Phải thu khách hàng	131		49.331.579.167	28.365.339.981
2. Trả trước cho người bán	132		3.334.588.992	4.203.200.832
3. Các khoản phải thu khác	138		196.291.232	226.024.939
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(60.233.271)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	IV.03	<b>25.750.728.053</b>	<b>24.019.521.009</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.750.728.053	24.019.521.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>2.141.859.871</b>	<b>1.743.619.605</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.801.339.195	1.499.407.475
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	6.844.875
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.04	340.520.676	237.367.255
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>31.779.690.098</b>	<b>36.759.854.000</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>28.174.490.098</b>	<b>28.173.751.222</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	IV.05	27.828.749.196	28.173.751.222
- Nguyên giá	222		99.614.516.173	94.366.263.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.785.766.977)	(66.192.511.806)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.06	345.740.902	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	IV.07	<b>3.605.200.000</b>	<b>7.605.200.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		3.605.200.000	7.605.200.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>980.902.778</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	980.902.778
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>118.878.207.065</b>	<b>106.544.683.845</b>

03029  
 CỘNG  
 TRÁCH NHIỆM  
 KIỂM  
 DI  
 VIỆT  
 BÌNH - T

1001  
 CỘNG  
 CỔ P  
 BA  
 HÀ  
 LƯỚI

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>66.347.307.567</b>	<b>54.150.755.573</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.182.312.437</b>	<b>53.519.622.059</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.08	43.765.630.597	43.115.993.982
2. Phải trả cho người bán	312		7.811.580.969	2.468.343.365
3. Người mua trả tiền trước	313		82.451.520	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	IV.09	1.013.712.378	1.830.175.816
5. Phải trả công nhân viên	315		7.737.743.417	4.964.271.152
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	IV.10	2.257.983.723	639.861.412
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.513.209.833	500.976.332
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.164.995.130</b>	<b>631.133.514</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	IV.11	1.920.066.250	483.405.750
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		244.928.880	147.727.764
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>52.530.899.498</b>	<b>52.393.928.272</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	IV.12	<b>52.530.899.498</b>	<b>52.393.928.272</b>
1. Vốn điều lệ	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		339.912.959	(1.432.929.332)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.404.149.509	1.003.320.205
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		826.663.856	225.818.595
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.956.174.471	12.593.720.101
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>118.878.207.065</b>	<b>106.544.683.845</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	180.520.491	180.520.491
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại		
USD	58.607,54	158.353,33
EUR	34.759,60	55.292,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

VĂN NGỌC LƯU

Kế toán trưởng

Ngày 05 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BAO BÌ  
HÀ TIÊN  
LÀM  
SỔ CHỈ

078  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BAO BÌ  
HÀ TIÊN  
SỔ CHỈ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		170.730.590.693	154.991.193.049
2. Các khoản giảm trừ	02		-	3.661.818
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	170.730.590.693	154.987.531.231
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	141.280.242.860	124.090.612.377
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.450.347.833	30.896.918.854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	3.390.531.263	2.719.774.601
7. Chi phí tài chính	22	V.04	9.064.879.672	4.610.203.817
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.481.053.968	2.139.900.969
8. Chi phí bán hàng	24	V.05	5.382.085.828	5.581.206.023
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.06	5.802.157.899	4.496.555.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.591.755.697	18.928.728.526
11. Thu nhập khác	31	V.07	207.642.861	277.089.462
12. Chi phí khác	32	V.08	928.887.379	1.481.449.682
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(721.244.518)	(1.204.360.220)
14. Lãi kế toán trước thuế	50		11.870.511.179	17.724.368.306
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		692.132.123	1.410.936.617
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	85.301.387
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.178.379.056	16.228.130.302
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.795	4.057

VĂN NGỌC LƯU  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 05 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN HỮU ĐỨC  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.870.511.179</b>	<b>17.724.368.306</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.007.538.766	6.284.823.423
Các khoản dự phòng	03	60.233.271	(4.125.538.538)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	53.171.787	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(1.019.571.024)	(926.646.467)
Chi phí lãi vay	06	3.481.053.968	2.139.900.969
<b>Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>21.452.937.947</b>	<b>21.096.907.693</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(20.791.437.739)	(11.166.755.898)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.731.207.044)	2.537.763.687
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	8.952.001.515	(5.039.656.769)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	980.902.778	3.581.572.465
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.481.053.968)	(2.139.900.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.618.165.784)	(335.364.340)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.200.000	3.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.881.560.000)	(674.811.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>884.617.705</b>	<b>7.862.754.869</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(7.271.985.483)	(1.794.296.924)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	86.957.273	148.777.272
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.019.571.024	1.080.269.195
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.165.457.186)</b>	<b>(4.565.250.457)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	83.147.937.183	68.522.055.269
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.398.499.525)	(65.950.147.518)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(7.680.000.000)	(5.679.251.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.930.562.342)</b>	<b>(3.107.343.249)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.227.123.479	10.868.532.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(387.981.267)	168.429.842
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.403.702.923</b>	<b>11.227.123.479</b>

*(Handwritten signature)*

VĂN NGỌC LƯU  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 05 tháng 3 năm 2011



*(Handwritten signature)*  
 NGUYỄN HỮU ĐỨC  
 Giám đốc





Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty Liên doanh Bao Bì Hà Tiên, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần Số 56-03-000144 ngày 30/5/2008 và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Văn phòng chính đặt tại ấp Kinh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt; đại lý, môi giới; bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn chuyên doanh khác còn lại.

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **2. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

## **III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán như sau (theo nội dung Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính):

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

029090  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KIỂM TOÁN  
ĐFK  
VIỆT NAM  
H-TP.F

011  
CỘT  
CỔ  
KIỂM

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải thu dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản phải trả dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

***Dự phòng cho hàng tồn kho***

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

***Tài sản cố định***

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

***Khấu hao tài sản cố định***

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
Thiết bị quản lý	3 – 06 năm
Phương tiện vận chuyển	06 năm

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**8. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư**

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng của chúng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

**Đầu tư chứng khoán**

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và chưa thể xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán này.

**9. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**10. Chi phí lãi vay**

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**11. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo đơn giá sản phẩm. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

**12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**13. Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm (từ năm 1998 đến năm 2001) và được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% trong 09 năm (từ năm 2002 đến năm 2010).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế hiện hành**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

### IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	31/12/2010	01/01/2010
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	64.930.925	62.649.210
Tiền gửi ngân hàng, bao gồm:	6.338.771.998	8.101.607.602
Tiền gửi VND	4.284.621.921	3.802.863.256
Tiền gửi USD	1.109.557.947	2.841.017.094
Tiền gửi EUR	944.592.130	1.457.727.252
Các khoản tương đương tiền	-	3.062.866.667
<b>Cộng</b>	<b>6.403.702.923</b>	<b>11.227.123.479</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng	49.331.579.167	28.365.339.981
Trả trước cho người bán	3.334.588.992	4.203.200.832
Phải thu khác	196.291.232	226.024.939
<b>Cộng</b>	<b>52.862.459.391</b>	<b>32.794.565.752</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(60.233.271)	-
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>52.802.226.120</b>	<b>32.794.565.752</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>		
Hàng mua đang đi đường	1.121.546.450	-
Nguyên vật liệu	15.468.023.431	15.593.823.461
Công cụ, dụng cụ trong kho	402.024.199	103.624.326
Chi phí sản xuất dở dang	8.095.836.183	7.173.807.136
Thành phẩm tồn kho	663.297.790	1.148.266.086
<b>Cộng</b>	<b>25.750.728.053</b>	<b>24.019.521.009</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>25.750.728.053</b>	<b>24.019.521.009</b>
<b>4. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng nhân viên	291.768.424	188.615.003
Tài sản thiếu chờ xử lý	48.752.252	48.752.252
<b>Cộng</b>	<b>340.520.676</b>	<b>237.367.255</b>

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2010/NHNT-BBHT ngày 15/7/2010, toàn bộ hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được thuyết minh tại IV.08.

190902  
 CÔNG TY  
 NHIỆM VỤ  
 KIỂM TOÁN  
 ĐFK  
 VIỆT NAM  
 TP. HCM

H. M.S.D.N.

GIANG

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

### 5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2010	15.349.226.414	76.629.904.559	1.445.537.920	941.594.135	94.366.263.028
Tăng trong năm	383.818.181	6.532.426.400	-	10.000.000	6.926.244.581
Thanh lý	-	(1.624.420.723)	-	(53.570.713)	(1.677.991.436)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>15.733.044.595</b>	<b>81.537.910.236</b>	<b>1.445.537.920</b>	<b>898.023.422</b>	<b>99.614.516.173</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2010	7.301.649.737	57.368.318.197	721.545.328	800.998.544	66.192.511.806
Khấu hao trong năm	1.645.623.429	5.128.859.647	152.977.932	80.077.758	7.007.538.766
Thanh lý	-	(1.389.162.882)	-	(25.120.713)	(1.414.283.595)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>8.947.273.166</b>	<b>61.108.014.962</b>	<b>874.523.260</b>	<b>855.955.589</b>	<b>71.785.766.977</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 31/12/2009	8.047.576.677	19.261.586.362	723.992.592	140.595.591	28.173.751.222
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>6.785.771.429</b>	<b>20.429.895.274</b>	<b>571.014.660</b>	<b>42.067.833</b>	<b>27.828.749.196</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 6.074.208.381 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hư hỏng chờ thanh lý là 179.706.114 đồng.

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01B/2010/NHNT-BBHT ngày 15/7/2010, toàn bộ tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay được thuyết minh tại IV.08 và IV.11.

### 6. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí khảo sát và san lấp mặt bằng	345.740.902	-
<b>Cộng</b>	<b>345.740.902</b>	<b>-</b>

### 7. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Tiền gửi có kỳ hạn	-	4.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (*)	3.605.200.000	3.605.200.000
<b>Cộng</b>	<b>3.605.200.000</b>	<b>7.605.200.000</b>

(\*) Bao gồm các khoản đầu tư vào các Công ty:

	Tỷ lệ	Số lượng CP	Mệnh giá/CP	Giá trị đầu tư
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên	2,95%	100.520	10.000	1.005.200.000
Công ty CP Xi Măng Kiên Giang	5,38%	12.000	100.000	1.200.000.000
Công ty CP Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang	3,05%	14.000	100.000	1.400.000.000
<b>Cộng</b>				<b>3.605.200.000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

8. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang	43.258.518.045	43.115.993.982
Nợ dài hạn đến hạn trả	507.112.552	-
<b>Cộng</b>	<b>43.765.630.597</b>	<b>43.115.993.982</b>

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương - chi nhánh Kiên Giang bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 03/2009/NHNT-BBHT ngày 23/7/2009, với hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD và sẽ đáo hạn vào ngày 23/4/2011, lãi suất dao động từ 6,00% đến 6,50%/năm, hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2010/VCB-BBHT ngày 02/8/2010, hạn mức tín dụng là 3.000.000,00 USD, lãi suất dao động từ 6,60% đến 7,00%/năm và hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 02/2010/VCB-BBHT ngày 01/3/2010, với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, lãi suất 12,00%/năm và Số dư nợ tại ngày 31/12/2010 lần lượt là 668.289,99 USD tương đương 12.652.066.091 đồng, 928.021,38 USD tương đương 17.569.300.766 đồng và 13.037.151.188 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tài sản của Công ty được thuyết minh tại IV.03 và IV.05.

9. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2010	01/01/2010
Thuế GTGT	500.797.407	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	224.041.397	680.523.357
Thuế nhập khẩu	65.254.776	-
Thuế TNDN phải nộp	223.618.798	1.149.652.459
<b>Cộng</b>	<b>1.013.712.378</b>	<b>1.830.175.816</b>

10. Phải trả khác	31/12/2010	01/01/2010
BHXX, BHYT, BHTN	49.985.813	5.059.536
Kinh phí công đoàn	529.526.200	382.853.924
Phải trả cổ tức	1.134.955.073	69.049.021
Các khoản phải trả khác	543.516.637	182.898.931
<b>Cộng</b>	<b>2.257.983.723</b>	<b>639.861.412</b>

11. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang	2.427.178.802	483.405.750
Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(507.112.552)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.920.066.250</b>	<b>483.405.750</b>

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang theo các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng vay số 02/2009/VCB-BBHT ngày 09/7/2009 với tổng số tiền vay là 3.258.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2010 là 1.075.225.750 đồng, lãi suất vay 10,20%/năm. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư dây chuyền máy in lồng ống và được thế chấp bởi tài sản là dây chuyền máy in lồng ống và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục 5.

Hợp đồng vay số 03/2010/VCB-BBHT.DA ngày 14/7/2010 với tổng số tiền vay là 83.545,00 USD, thời hạn vay là 14 tháng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2010 là 44.625 USD tương đương 844.840.500 đồng, lãi suất vay 7,50%/năm. Khoản vay này nhằm mục đích đầu tư dây chuyền máy tái sinh hạt nhựa PP và được thế chấp bởi tài sản là dây chuyền máy in lồng ống và đảm bảo bằng tài sản của Công ty được trình bày tại mục IV.05.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

### 12. Vốn

	Tại ngày 01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2010
Vốn điều lệ	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.998.703	-	-	3.998.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.432.929.332)	1.772.842.291	-	339.912.959
Quỹ đầu tư phát triển	1.003.320.205	400.829.304	-	1.404.149.509
Quỹ dự phòng tài chính	225.818.595	777.595.829	(176.750.568)	826.663.856
Lợi nhuận chưa phân phối	12.593.720.101	11.178.379.056	(13.815.924.686)	9.956.174.471
<b>Cộng</b>	<b>52.393.928.272</b>	<b>14.129.646.480</b>	<b>(13.992.675.254)</b>	<b>52.530.899.498</b>

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Cổ phần điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Tại ngày 31/12/2010		Tại ngày 01/01/2010	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	38,45%	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Phát triển nhà Kiên Giang (*)	38,45%	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Phương Nam	10,00%	4.000.000.000	10,00%	4.000.000.000
Các cổ đông khác	13,10%	5.239.000.000	13,10%	5.239.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>40.000.000.000</b>

(\*) Trước đây là Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang.

### Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Theo Thông báo số 664/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 29/7/2010 về việc chấp thuận về nguyên tắc niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên. Theo đó, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận về mặt nguyên tắc cho Công ty được niêm yết cổ phiếu với số lượng chứng khoán được niêm yết là 3.500.000 cổ phiếu. Số cổ phiếu có liên quan đến giá trị thương hiệu (500.000 cổ phiếu) tạm thời chưa được niêm yết và giao dịch cho đến khi có hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ HÀ TIÊN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

### 12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Phải trả cổ tức cho cổ đông	8.745.906.052	2.949.049.021
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	400.829.304	1.003.320.205
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	777.595.829	225.818.595
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	3.450.637.046	910.743.605
Trích thưởng cho Ban điều hành	440.956.455	-
<b>Cộng</b>	<b>13.815.924.686</b>	<b>5.088.931.426</b>

### V. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu bán thành phẩm	165.953.181.651	150.373.654.765
Doanh thu bán hàng hóa (nguyên vật liệu, vật tư, phế phẩm)	4.755.818.134	4.613.876.466
Doanh thu dịch vụ	21.590.908	-
<b>Cộng</b>	<b>170.730.590.693</b>	<b>154.987.531.231</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn thành phẩm	136.723.243.416	124.219.577.949
Giá vốn hàng hóa	4.556.999.444	3.996.573.266
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.125.538.838)
<b>Cộng</b>	<b>141.280.242.860</b>	<b>124.090.612.377</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi	322.105.424	435.797.035
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.370.960.239	1.938.998.530
Cổ tức được chia	697.465.600	342.072.160
Thu nhập tài chính khác		2.906.876
<b>Cộng</b>	<b>3.390.531.263</b>	<b>2.719.774.601</b>

#### 4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí lãi vay	3.481.053.968	2.139.900.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản vay dài hạn	53.171.787	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.530.653.917	2.470.302.848
<b>Cộng</b>	<b>9.064.879.672</b>	<b>4.610.203.817</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	Năm 2010	Năm 2009
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí vận chuyển hàng xuất khẩu	860.689.351	461.923.474
Chi phí vật liệu, bao bì	1.233.966.534	1.054.654.329
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	980.902.778	2.727.884.656
Chi phí vận chuyển, bốc xếp trong nước	542.400.423	501.463.963
Hoa hồng bán hàng	275.013.991	34.559.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.057.651.438	544.916.084
Chi phí bằng tiền khác	431.461.313	255.804.350
<b>Cộng</b>	<b>5.382.085.828</b>	<b>5.581.206.023</b>
<b>6. Chi phí quản lý</b>		
Chi phí nhân viên	2.594.040.843	1.956.722.102
Phí ngân hàng	348.702.205	348.196.854
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	165.334.745	75.801.075
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	293.521.944	259.007.682
Khấu hao tài sản cố định	391.573.592	265.346.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.069.040.709	1.017.445.284
Chi phí lập dự phòng phải thu khó đòi	60.233.271	-
Chi phí bằng tiền khác	879.710.590	574.035.541
<b>Cộng</b>	<b>5.802.157.899</b>	<b>4.496.555.089</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản cố định	90.000.000	154.272.727
Các khoản cho thuê kho bãi, tiền phạt và các khoản khác	117.642.861	122.816.765
<b>Cộng</b>	<b>207.642.861</b>	<b>277.089.492</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản	3.042.727	5.495.455
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	86.957.273	-
Chi phí khấu hao tài sản chờ thanh lý	40.614.171	-
Thuế bị truy thu	467.720.316	-
Các khoản chi phí khác	330.552.892	1.475.954.227
<b>Cộng</b>	<b>928.887.379</b>	<b>1.481.449.682</b>

### VII. Các thông tin khác

#### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Cho đến thời điểm này, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



VĂN NGỌC LƯU

Kế toán trưởng

Ngày 05 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

Trang 16/16